

## **NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN, KỂ CẢ CÁC NCS THEO ĐỀ ÁN 911**

- 1.** Nghiên cứu kỹ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPT Hà Nội.
- 2.** Sáu tháng một lần có báo cáo về kết quả nghiên cứu của mình tại một buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn, nộp biên bản của buổi sinh hoạt có xác nhận của Trưởng bộ môn về Phòng Sau đại học.
- 3.** Vào tháng 11 hàng năm Nghiên cứu sinh phải đóng học phí và có văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu của mình (số lượng công trình...), đồng thời kèm theo kế hoạch nghiên cứu cho năm tiếp theo. Bản báo cáo phải được Cán bộ hướng dẫn xác nhận và nộp về Phòng Sau đại học.
- 4.** Cuối năm thứ nhất hoặc đầu năm thứ hai NCS phải hoàn thiện Đề cương nghiên cứu chi tiết và báo cáo Bài tiểu luận tổng quan (xem điểm 3 Điều 24 của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ).
- 5.** Nghiên cứu sinh phải hoàn thiện 4 học phần (2 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn) ở trình độ tiến sĩ theo chuyên ngành đào tạo trong 2 năm đầu của thời gian nghiên cứu. Kế hoạch và thời gian học tập, NCS xem lịch tại Bộ môn hoặc xem trong hộp thư của khóa.
- 6.** Những thay đổi đề tài, hướng nghiên cứu chỉ được thực hiện trong nửa đầu của thời gian đào tạo.
- 7.** Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn chỉ được thực hiện chậm nhất là một năm trước khi NCS hết hạn nghiên cứu.
- 8.** Những NCS có chuyên ngành nghiên cứu khác với chuyên ngành trong quá trình đào tạo thạc sĩ hoặc những NCS chưa có bằng Thạc sĩ, phải học các chuyên đề cao học đúng chuyên ngành mà mình đang làm tiến sĩ. Việc học chuyển đổi này được thực hiện và hoàn thiện trong 2 năm đầu của thời gian nghiên cứu.
- 9.** Những NCS có chuyên ngành nghiên cứu gần với chuyên ngành trong quá trình đào tạo thạc sĩ, phải học bổ sung các chuyên đề chuyên sâu của chuyên ngành làm tiến sĩ, các chuyên đề bổ sung do Bộ môn quy định. Việc học bổ sung này được thực hiện và hoàn thiện trong 2 năm đầu của thời gian nghiên cứu.
- 10.** Hướng dẫn thực hiện nghiên cứu, Quy định đào tạo trình độ tiến của Trường Đại học Sĩ phạm Hà Nội và các thông tin liên quan đến NCS được trích yếu phía dưới.
- 11.** Chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ tiến sĩ của từng chuyên ngành có thể xem trên trang Web: <http://www.hnue.edu.vn> hoặc trong hộp thư: [ncsk35hnue@gmail.com](mailto:ncsk35hnue@gmail.com).

# TRÍCH QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

## TRƯỜNG ĐHSB HÀ NỘI

### Điều 15. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

1. Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về ngoại ngữ như sau:

a. Phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc 3/6 trở lên theo khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ một trong các tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ (tính đến ngày hết hạn nộp đơn xét tuyển).

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
<b>B1</b>	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
<b>B2</b>	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Business Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
<b>B1</b>	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
<b>B2</b>	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường sẽ gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến về việc quy đổi tương đương.

b. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài.

c. Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

2. Đối với người dự tuyển là người nước ngoài, đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ giảng dạy bằng tiếng Việt không bắt buộc áp dụng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ.

3. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án TS quy định tại Điều 28 của Quy định này.

### Điều 22. Chương trình và thời gian đào tạo trình độ Tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (CTĐT):

a. Nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức CN; có kiến thức rộng về các ngành liên quan;

b. Hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng NC, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

c. Hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, CN; các kiến thức có tính ứng dụng của CN; phương pháp luận, phương pháp NC, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả NC trước các nhà NC trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ TS được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự NC dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen NC khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. CTĐT trình độ TS gồm ba phần:

a. Phần 1: Các học phần bổ sung;

b. Phần 2: Các học phần (HP) ở trình độ TS, các chuyên đề tiến sĩ (CĐTS) và tiểu luận tổng quan (TLTQ);

c. Phần 3: NC khoa học và luận án tiến sĩ (LATS).

CTĐT trình độ TS do trường ĐHSPHN xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại Điều 23, 24, 25 và 26 của Quy định này.

4. Thời gian thực hiện CTĐT trình độ TS:

a. Thời gian thực hiện CTĐT trình độ TS đối với NCS có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

b. Trường hợp NCS không theo học tập trung liên tục được và được Trường chấp nhận thì CTĐT và NC của NCS phải có tổng thời gian học và NC là 4 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung tại bộ môn đào tạo để thực hiện đề tài NC.

### **Điều 23. Các học phần bổ sung, chuyển đổi**

Các HP bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS. Việc xác định NCS thuộc hay không thuộc diện phải tham gia học các HP bổ sung, chuyển đổi đã được thực hiện trong quá trình tuyển NCS theo khoản 4 Điều 20 của Quy định này.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:

Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể các môn triết học và ngoại ngữ.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, trường sẽ yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực NC.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ TS, Hiệu trưởng có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Hiệu trưởng trường ĐHSPHN quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này.

5. Đối với các NCS thuộc diện học bổ sung, chuyển đổi theo các khoản 1,2 và 3 của Điều này, quy trình tổ chức học tập như sau:

a. NCS đăng ký học các môn học bổ sung, chuyển đổi giống như các học viên cao học của CN tương ứng;

b. Trên cơ sở kết quả học tập của NCS, phòng SĐH cấp chứng chỉ hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi;

c. NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi trong vòng 2 năm kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển NCS:

\* Nếu không hoàn thành NCS có thể nộp đơn xin gia hạn không quá 6 tháng tại phòng SĐH.

\* Nếu hết thời gian gia hạn vẫn không hoàn thành, phòng SĐH trình đề Hiệu trưởng quyết định đình chỉ đào tạo, trả NCS về cơ quan hay địa phương gửi đi.

#### **Điều 24. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

1. Các học phần ở trình độ TS giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận NC và khả năng ứng dụng các phương pháp NC khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực NC.

a. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ TS.

b. Các học phần ở trình độ TS bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn:

\* Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và CN.

\* Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NC hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp NC chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

2. Các CĐTS đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực NC khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

a. Mỗi NCS phải hoàn thành 3 CĐTS với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ, trong đó có 1 CĐTS theo hướng chuyên sâu bắt buộc, 2 CĐTS theo hướng chuyên sâu tự chọn phù hợp với hướng NC của luận án TS.

b. HĐKHĐT của Khoa có trách nhiệm đề xuất danh sách hướng chuyên sâu của CN kèm theo danh sách NHD khoa học cho từng hướng chuyên sâu.

c. Trên cơ sở danh sách các hướng chuyên sâu kèm theo danh sách NHD của các hướng chuyên sâu, Hiệu trưởng quyết định các CĐTS cho NCS.

3. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình NC và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án:

a. Thể hiện kết quả NC phân tích, đánh giá các công trình NC đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung NC giải quyết.

b. Được đánh giá kết thúc thông qua hình thức báo cáo bảo vệ:

\* Trên cơ sở đề xuất của NHD, phòng SĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá bài TLTK gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng.

\* Thông qua báo cáo (20 phút), tranh luận và trả lời các câu hỏi, Hội đồng sẽ cho điểm đánh giá. Việc cho điểm đánh giá được thực hiện như đối với một học phần CĐTS.

4. Việc hoàn thành CTĐT với các học phần ở trình độ TS, 3 CĐTS và TLTK là điều kiện tiên quyết để sau này có thể làm thủ tục bảo vệ luận án TS.

5. Hiệu trưởng trường ĐHSPhN quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung:

a. Danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ TS và các CĐTS của từng chuyên ngành đào tạo;

- b. Cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt;
- c. Cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá TLTK của NCS.

### **Điều 25. Nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình NCS thực hiện LATS. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ mà các Khoa, các BM và NHD có các yêu cầu cụ thể khác nhau đối với việc:

- a. Đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án;
- b. Yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết,

c. Yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết LATS.

2. Nội dung, quy mô NC khoa học phải phù hợp với mục tiêu của LATS. Với sự hỗ trợ tài chính của Trường trong khuôn khổ chủ trương gắn liền NC khoa học với đào tạo TS, tùy theo tính chất của đề tài NC mà đơn vị chuyên môn và NHD phải xây dựng phương án đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động NC. Đơn vị chuyên môn, NHD và NCS phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả NC khoa học của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian NC khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ TS. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc NC khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án NCS được đăng ký kéo dài thời gian NC. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc trường hỗ trợ (nếu có điều kiện).

4. Trích từ nội dung NC khoa học của đề tài luận án, NCS có thể đề xuất và đăng ký nhận thực hiện đề tài NC để có kinh phí hỗ trợ thực hiện luận án.

a. Việc đề xuất và đăng ký tiến hành theo các quy định của phòng Khoa học công nghệ, trường ĐHSPHN. NHD là người tham gia thực hiện đề tài NC với vai trò hướng dẫn khoa học, NCS là người đứng tên chủ trì đề tài đã đăng ký.

b. Khi được chấp thuận thực hiện đề tài NC khoa học, NCS cần phải dự toán cả kinh phí tham dự hội nghị khoa học hay đăng công trình trên tạp chí CN có uy tín ở nước ngoài.

### **Điều 26. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ phải là một công trình NC khoa học độc lập, sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực NC, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực NC, giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

### **Điều 27. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ**

1. Khi tiếp nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), NHD của NCS và HĐKHĐT Khoa phải:

a. Xác định các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ TS và các CĐTS sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của NCS, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- b. Các BM phụ trách công tác đào tạo NCS xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của các HĐKHĐT Khoa và thông báo cho NCS thực hiện.
2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của trường. Đối với các học phần ở trình độ TS sẽ do Phòng SDH kết hợp với các Khoa tổ chức thực hiện.
3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Phòng SDH phải tổ chức để NCS hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ TS.
4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và TLTQ của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
- a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự NC của NCS;
- b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ TS và các CĐTS thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Hiệu trưởng quy định cụ thể thang đánh giá.
5. Khi có ít nhất 2/3 kết quả đánh giá các HP ở trình độ TS, đồng thời các CĐTS và TLTQ đều đạt mức khá trở lên, NCS được coi là đủ điều kiện để được tiếp tục CTĐT.
6. Những NCS có kết quả các học phần, các CĐTS hoặc TLTQ không đạt yêu cầu sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu NCS có đơn đề nghị.
7. HĐKHĐT cấp khoa có nhiệm vụ xây dựng CTĐT, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các CĐTS theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của cơ sở đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **Điều 28. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án**

1. Trước khi bảo vệ luận án, NCS phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ (xem Phụ lục), trong thời hạn 01 năm tính đến ngày bảo vệ luận án cấp cơ sở, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước được đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 (xem bảng tham chiếu tại điều 15 của Quy định này).

2. Có một trong các văn bằng quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 15 của Quy định này.

3. Đối với NCS là người nước ngoài, theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ giảng dạy bằng tiếng Việt không bắt buộc áp dụng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ.

#### **Điều 29. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi NHD thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án.

3. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được trường ĐHSPHN đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định các học phần hoặc các CĐTS mà NCS đó cần bổ sung (nếu có).

4. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu.

NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của trường ĐHSPTH. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Đối với NCS không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại trường ĐHSPTH để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

5. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại khoản 2 Điều 38 của Quy định này

6. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành CTĐT (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả NC và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại trường ĐHSPTH trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả NC vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được NHD, Hiệu trưởng đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc CTĐT trình độ TS không được bảo lưu.

8. Hiệu trưởng trường ĐHSPTH quy định chi tiết về thủ tục, trình tự giải quyết và quyết định về các thay đổi trong quá trình đào tạo NCS.

### **Điều 32. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Duyệt kế hoạch học tập và NC của NCS.

2. Xác định các học phần cần thiết trong CTĐT trình độ TS bao gồm: các học phần ở trình độ ĐH, trình độ ThS, trình độ TS, các CĐTS cho NCS. Danh sách đó phải được HĐKHĐT Khoa thông qua và chuyển về Phòng SĐH để trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Lên kế hoạch làm việc với NCS theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả NC khoa học.

4. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và NC khoa học.

5. Có nhận xét về tình hình học tập, NC, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị chuyên môn.

6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng trường ĐHSPTH.

### **Điều 33. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh**

1. Trong quá trình đào tạo, NCS là thành viên chính thức của đơn vị Bộ môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, NC và đề cương NC với Bộ môn.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS có nhiệm vụ phải:

a. Thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với NHD theo kế hoạch và lịch đã định;

b. Tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của Bộ môn; viết báo cáo khoa học;

c. Viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phân biệt độc lập, theo danh mục tạp chí do đơn vị chuyên môn quy định theo mục b khoản 7 Điều 37 của Quy định này;

d. Tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ NC của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo;

e. Định kỳ báo cáo kết quả học tập, NC của mình với NHD và đơn vị chuyên môn theo lịch do đơn vị chuyên môn quy định, ít nhất 4 lần một năm.

3. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, NC, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc NC khoa học tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của Bộ môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, NCS phải nộp cho Bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ NC của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả NC, tình hình công bố kết quả NC; đề cương NC chi tiết, kế hoạch học tập, NC của mình trong năm học mới để Bộ môn xem xét đánh giá.

5. NCS không được phép:

a. Tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án;

b. Tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng cấp Trường;

c. Tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. NCS có trách nhiệm nộp học phí:

a. Mức học phí cụ thể do Trường quyết định phù hợp với quy định của Nhà nước;

b. NCS không nộp học phí sẽ không được nhận tiền NC khoa học theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Quy định này;

c. NCS là cán bộ của ĐHSPTHN vẫn phải đóng học phí theo quy định. Việc hoàn lại kinh phí dựa theo quy định của trường ĐHSPTHN.

### **Điều 37. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án TS:

a. Phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều 26 của Quy định này.

b. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học.

c. Vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình NC trước đây liên quan đến đề tài luận án.

d. Trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

e. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a. Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c. Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.



d. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

đ. Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

e. Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

g. Phụ lục (nếu có).

3. LATS phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Phòng SDH các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng TS.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

Nếu việc không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu chỉ được phát hiện ra sau khi đã bảo vệ cấp Trường thành công, HĐKHĐT Khoa học và thông qua Phòng SDH đề xuất với Hiệu trưởng quyết định theo một trong hai trường hợp sau:

\* Hủy bỏ kết quả bảo vệ cấp Trường và tiến hành lại từ đầu quy trình bảo vệ cấp Trường giống như sau khi bảo vệ thành công cấp Bộ môn.

\* Hủy bỏ vĩnh viễn kết quả bảo vệ cấp Trường, NCS bị đình chỉ đào tạo và trả về đơn vị chủ quản.

6. Danh mục công trình đã công bố của NCS có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả NC của luận án:

a. Phải đã được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành.

b. Được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo.

c. Khuyến khích NCS đăng bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê tại địa chỉ <http://scientific.thomson.com/isi/> hoặc các kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Phòng SDH quy định cụ thể quy cách trình bày luận án, đảm bảo luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xóa.

### **Điều 38. Đánh giá và điều kiện bảo vệ luận án**

1. LATS được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a. Cấp Bộ môn;

b. Cấp Trường.

2. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án:

a. Đã hoàn thành trong thời gian quy định luận án, chương trình học tập và các yêu cầu quy định tại các Điều 23, 24, 25 và 26 của Quy định này;

b. Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 26 và Điều 37 của Quy định này. Luận án có thể được

viết và bảo vệ bằng tiếng nước ngoài.

c. Luận án đã được Bộ môn góp ý và sơ bộ đánh giá thông qua seminar ở Bộ môn. Biên bản của Seminar đồng ý để đưa ra bảo vệ cấp Bộ môn theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Quy định này.

d. Tập thể hoặc NHD có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, NC của NCS và đề nghị cho được bảo vệ luận án;

e. NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.